

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HS-ST

Ngày: 07-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thúy Hà**.

2. Ông **Lò Văn Ngắm**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Tuấn Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện M mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HS, ngày 24 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS, ngày 27/10/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn Q**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1994, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 06/12; Bố đẻ: Lường Văn H sinh năm 1959 và mẹ đẻ Lường Thị X sinh năm 1952; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ bốn trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; Chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Lò Thị Khánh H1 – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lường Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 27/7/2022 Lường Văn Q đi bộ đến ngã ba bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên tìm mua ma túy về để sử dụng. Khi đến nơi Q gặp và mua được của 1 bé gái khoảng 14 tuổi không quen biết được 01 viên Methamphetamine với giá 25.000 đồng. Sau khi mua được ma túy Q cất giấu vào trong túi quần bên phải đang mặc và đi bộ về nhà. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày tại bếp của gia đình, trong lúc Q đang chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị tổ công tác

đội Hình sự - Kinh tế - Ma túy Công an huyện M kiểm tra và bắt quả tang thu giữ 01 viên Methamphetamine có khối lượng 0,11 gam.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 27/7/2022 của Công an huyện M và Kết luận giám định số 1095/KL-KTHS, ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lường Văn Q là 0,11 gam.
- Mẫu các viên nén màu hồng thu giữ của Lường Văn Q gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 81/CT-VKS-MA ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện M để xét xử bị cáo Lường Văn Q về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lường Văn Q. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Lường Văn Q **từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù**. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy 0,08 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

*** Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Lường Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn Q nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội đúng pháp luật; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Lường Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng, bản luận tội của VKSND huyện M cũng như bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lương Văn Q đã khai và công nhận: Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 27/7/2022 tại bếp của gia đình tại bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên bị cáo bị Công an huyện M bắt vì đang tàng trữ trái phép 0,11 gam Methamphetamine, mục đích của bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 81/CT-VKS-MA, ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo tàng trữ trái phép 0,11 gam methamphetamine đủ định lượng buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...c) Methamphetamine ..., có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam”.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc Q của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được bố mẹ sinh ra, nuôi dưỡng và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo học đến lớp 6/12 thì bỏ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo vẫn cố ý mua và tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 cho bị cáo. Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bị cáo với nghề nghiệp làm nông nghiệp, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đối với bé gái khoảng 14 tuổi đã bán ma túy cho bị cáo, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không đủ cơ sở để xử lý theo quy định, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy 0,08 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

[7] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lương Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Quyết định truy tố của VKSND huyện M; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Q phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn Q 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 27/7/2022).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu để tiêu hủy 0,08 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi Cục thi hành án dân sự huyện M lập ngày 24/10/2022*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lương Văn Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/11/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.M;
- Công an h.M;
- Chi cục THADS h.M;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương